

Bản án số: 72/2021/HS-ST
Ngày 25/6/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Thụ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lâm.

Bà Vương Ánh Ngân.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 05 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 464/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hà Văn Đ, tên gọi khác: không, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1997 tại T, H, Cao Bằng.

Nơi cư trú: xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 10/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn D sinh năm 1974; con bà E sinh năm 1975; vợ: Phương Thị Thanh T, sinh năm 1996; con: 01 con sinh năm 2019; Có 02 anh em ruột, là con cả trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/10/2020 tại xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Đoàn Thị Tâm, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Những người làm chứng:*

1. Nông Văn N, sinh năm 1996

2. Hoàng Văn V, sinh năm 1990

Cùng trú tại: B, T, H, Cao Bằng; vắng mặt.

3. Trần Thị Trúc L, sinh năm 1993

4. Hà Thị Kim X, sinh năm 2002

Cùng trú tại: xã H, huyện H1, tỉnh G; vắng mặt.

5. Kha Thị M, sinh năm 1997

Trú tại: T, T1, T2; vắng mặt.

6. Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1996

Trú tại: C, C1, C2; vắng mặt.

7. Nguyễn Giang S, sinh năm 1988

Trú tại: Đ1, Đ2, Đ3; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 10 phút ngày 14/9/2020 tổ công tác Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Công an xã T, huyện H làm nhiệm vụ tại xã T thì phát hiện Hà Văn Đ sinh năm 1997, trú tại xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng điều khiển xe mô tô không có biển kiểm soát chở Hà Thị Kim X sinh năm 2002, trú tại xã H, huyện H1, tỉnh G; Kha Thị M sinh năm 1997, trú tại xã T, huyện T1, tỉnh T2 đi về hướng biên giới Việt Nam – Trung Quốc có dấu hiệu nghi vấn, tổ công tác ra hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra thì Đ đi chậm lại và đẩy 02 phụ nữ xuống xe rồi tăng ga bỏ trốn, tổ công tác truy đuổi đến xóm B thì Đ để lại chiếc xe máy rồi chạy thoát. Tổ công tác tiến hành lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng là chiếc xe máy Honda Wave và không có biển kiểm soát.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau: Do thường xuyên đến khu vực biên giới bốc hàng thuê nên Hà Văn Đ quen một người Trung Quốc tên là V1 (không rõ họ), giữa Đ và V1 thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội Wechat. Chiều 13/9/2020 V1 liên lạc thuê Đ đưa dẫn 05 người từ thị trấn T3, huyện H, tỉnh Cao Bằng đến mốc 895 thuộc địa phận xóm T4, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng giao cho V1 để các công dân trên xuất cảnh trái phép Sg Trung Quốc với tiền công là 300CNY (Nhân dân tệ)/01 người, V1 gửi cho Đ số

điện thoại của 01 người xuất cảnh để chủ động liên lạc, Đ đồng ý. Tiếp đó, Đ liên lạc với Nông Văn N sinh năm 1996 và Hoàng Văn V sinh năm 1990 (cùng xóm với Đ) thuê N và V chở người từ thị trấn T3 đến dốc R thuộc địa phận xóm B, xã T với tiền công là 100CNY/01 người, Đ không nói cho N và V biết việc đưa người xuất cảnh trái phép; do điện thoại của Đ hết tiền nên Đ gửi cho N số điện thoại của khách nhờ N liên lạc hỏi xem họ đang ở đâu và được khách thông báo đang ở nhà nghỉ H3. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày Đ, N, V mỗi người điều khiển một xe mô tô đến nhà nghỉ H3, đến nơi Đ gọi cho V1 báo cho 05 người ra để Đ đưa đi; khi 05 người từ nhà nghỉ H3 đi ra Đ điều khiển xe chở Kha Thị M và Hà Thị Kim X đi trước; N chở Trần Thị Trúc L sinh năm 1996, trú tại xã H, huyện H1, Đ2, tỉnh Đ3; V chở Trần Thị Kim P sinh năm 1994, trú tại phường C A, thành phố C1, tỉnh C2 đi sau với mục đích đến dốc R thì N và V quay về còn Đ tiếp tục đi bộ dẫn 05 người đi khoảng 05km đến mốc 895 giao cho V1 và nhận tiền công. Khi N chở L và S đi đến gần Ủy ban nhân dân xã T thì L bị đau bụng và đề nghị N chở L và S quay lại nhà nghỉ H3, N cho L cùng S xuống xe gọi điện thoại báo cho Đ biết và N điều khiển xe đi về thì thấy lực lượng chức năng đang làm nhiệm vụ phía trước, N điều khiển quay xe lại thì gặp V đang chở P đi đến, N thông báo cho V biết là có lực lượng chức năng phía trước, do lo sợ nên N và V bỏ lại L, S, P và đi về còn Đ bị tổ công tác Công an huyện H dừng xe để kiểm tra, Đ đi xe chậm lại và đẩy M và X xuống lề đường tăng ga bỏ trốn, tổ công tác truy đuổi đến xóm B thì Đ bỏ lại chiếc xe chạy thoát. Đến ngày 20/9/2020 Đ đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đầu thú.

Hành vi của bị cáo Hà Văn Đ đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngày 18-05-2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 67/CTr-VKSCB(P1) truy tố bị cáo Hà Văn Đ về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra vụ án, Nông Văn N khai: khoảng 22 giờ 30 phút ngày 13/9/2020 Đ gọi điện thoại cho tôi thuê tôi đón người ở nhà nghỉ H3 tại thị trấn T3 đưa đến đỉnh dốc R thuộc xóm B, T, Đ hứa sẽ trả tiền công cho tôi là 100NDT/01 người, tuy nhiên Đ không nói rõ cho Nằng biết đón cụ thể bao nhiêu người. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi gần đến nhà nghỉ H3 thì thấy Đ chờ ở đây, một lúc sau thấy V đến. Sau đó, tôi thấy 05 người gồm 04 nữ 01 nam đi ra từ nhà nghỉ H3. Đ đi xe máy đến trước nhà nghỉ H3 đón 02 người phụ nữ đi trước, tôi đón một người phụ nữ và một người đàn ông đi theo sau xe Đ. Còn

V đón một người phụ nữ còn lại. Tôi, Đ và V đi được khoảng 05km gần đến UBND xã T thì tôi thấy lực lượng Công an đang kiểm tra nên tôi bảo 02 người xuống xe và đi xe máy theo hướng ngược lại thì gặp V. Tôi bảo với V là có Công an đang tuần tra nên V cũng bảo người trên xe xuống xe và quay lại về nhà. Còn Đ đi trước nên tôi không biết Đ đi đến đâu và làm gì.

Quá trình điều tra vụ án Hoàng Văn V khai nhận toàn bộ hành vi phù hợp với lời khai của Nông Văn N.

Tại phiên tòa bị cáo Hà Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” là đúng với hành vi của bị cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội và khẳng định quyết định truy tố đối với Hà Văn Đ về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Hà Văn Đ từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

-Tịch thu phát mại lấy tiền nộp Ngân sách Nhà nước điện thoại di động OPPO A92 màu xanh đen đã qua sử dụng vì bị cáo dùng để liên lạc đón người;

-Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc dép màu xanh đen đã qua sử dụng của bị cáo không còn giá trị sử dụng;

- 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Kim P không liên quan nên trả lại cho Nguyễn Thị Kim P quản lý sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ (gửi cho Hội đồng xét xử):
Nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo ra đầu thú; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Đề nghị áp dụng điểm s, t khoản 1; khoản 2 điều 51 và khoản 3 điều 57 Bộ luật hình sự (phạm tội chưa đạt). Đề nghị cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất và được áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự quy định về án treo; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng điều 65 BLHS quy định về án treo vì bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình

tiết giảm nhẹ; không có tình tiết tăng nặng để bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, có điều kiện chăm lo gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo; không chấp nhận quan điểm của người bào chữa đề nghị xem xét xử phạt bị cáo được hưởng án treo vì có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Theo hướng dẫn của nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và điều 65 Bộ luật hình sự, bị cáo không đủ căn cứ để cho hưởng án treo nên đại diện viện kiểm sát không chấp nhận vì không có căn cứ.

Bị cáo không có lời bào chữa bổ sung, không tranh luận gì thêm với Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và tích cực hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Hà Văn Đ và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Hà Văn Đ hoàn toàn phù hợp với bản tự khai, biên bản ghi lời khai về quá trình thực hiện hành vi phạm tội và phù hợp với lời khai của những người đi xuất cảnh trái phép, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận:

Khi được một người Trung Quốc tên là V1 thuê tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì Đ đã đồng ý. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 13/9/2020 Hà Văn Đ được đưa dẫn 05 (năm) người từ thị trấn T3, huyện H, tỉnh Cao Bằng đến mốc 859 thuộc địa phận xóm T4, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng để giao cho V1 và nhận tiền công là 1.500CNY. Khi Đ đang đưa dẫn 05 người đến xóm Đ4, xã T thì bị tổ công tác Công an huyện H phối hợp với Công an xã T phát hiện lập biên bản quả tang, thu giữ vật chứng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội là nhằm vụ lợi từ việc đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

Hành vi đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của Hà Văn Đ là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Đặc biệt xảy ra trong thời gian cả nước đang thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid - 19 và sự chỉ đạo của các ngành các cấp đối với hoạt động ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép qua biên giới. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để xử lý nghiêm người phạm tội, đồng thời tuyên truyền pháp luật trong quần chúng nhân dân về hành vi xuất nhập cảnh trái phép.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau:

+ Người phạm tội thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự);

+ Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án (điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự);

+ Người phạm tội đầu thú (khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự);

+ Phạm tội chưa đạt (khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự).

Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị có căn cứ pháp luật phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập và hoàn cảnh khó khăn không thi hành án được nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP/TANDTC ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng.

Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo. Không có căn cứ để áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự và nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP/TANDTC ngày 15/5/2018 đối với bị cáo.

[6] Về những vấn đề khác:

Đối với Nông Văn N và Hoàng Văn V là người được Hà Văn Đ thuê đi chở người để lấy tiền công. Quá trình điều tra xác định N và V chỉ được Đ thuê chở người và được Đ trả tiền công chở thuê nhưng chưa được trả tiền, đồng thời không biết mục đích của Đ đưa các công dân trên để xuất cảnh trái phép, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên Văn thuê Đ chở người, do Đ không biết nhân thân lai lịch cụ thể, nên không có căn cứ để tương trợ tư pháp và mở rộng điều tra vụ án, nếu sau này có căn cứ sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng bị tạm giữ là xe do bị cáo Đ dùng làm phương tiện chở người xuất cảnh trái phép, quá trình điều tra đã xác định chiếc xe là của anh Phương Văn T5 ở cùng xóm cho bị cáo mượn để đi lại vì gia đình Đ hoàn cảnh khó khăn, khi cho bị cáo mượn anh Tú không biết bị cáo lấy xe để thực hiện hành vi phạm tội nên ngày 23/02/2021 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã trả lại chiếc xe máy cho anh Tú quản lý sử dụng là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92 màu xanh đen đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim điện thoại của Hà Văn Đ, đây là chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc đưa người xuất cảnh trái phép nên cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 chiếc dép màu xanh đen đã qua sử dụng là của bị cáo cần tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng;

Đối với 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Kim P xét thấy không liên quan nên trả lại cho Nguyễn Thị Kim P quản lý sử dụng.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Bị cáo Hà Văn Đ phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành bản án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92 màu xanh đen đã qua sử dụng, số IMEI1: 862251053790xxx. IMEI2: 862251053790xxx. Bên trong có 01 sim điện thoại. Điện thoại của Hà Văn Đ”.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc dép màu xanh đen đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Nguyễn Thị Kim P trú tại: C3, phường C4, thành phố C5, tỉnh C2: 01 (một) hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Kim P.

(Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 91 ngày 19 tháng 5 năm 2021).

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hà Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Hà Văn Đ có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lâm

Vương Ánh Ngân

Hoàng Văn Thụ

=

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan ANDT công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ